Shape, square

Description automatically generated

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**UNIVERSITY OF TRANSPOST AND COMMUNICATIONS**

Logo

Description automatically generated

**BÁO CÁO BÀI TẬP LỚN**

**MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG**

***ĐỀ TÀI*: Trình bày hiểu biết về chất lượng giáo dục đại học hiện nay? Để nâng cao chất lượng đào tạo đại học hiện nay, theo góc nhìn của SV ngành CNTT cần phải làm gì?**

**Giảng viên hướng dẫn : Lê Thị Hòa**

**Nhóm sinh viên thực hiện : Nhóm 10**

**Lớp : CNTT6-K62 (N10)**

**Năm 2023**

**Mục lục**

[**A.** **Phần mở đầu** 1](#_Toc131765461)

[**I.** **Sinh viên thực hiện** 1](#_Toc131765462)

[**II.** **Lời nói đầu** 1](#_Toc131765463)

[**B.** **Nội dung** 2](#_Toc131765464)

[**I.** **Thực trạng của giáo dục đại học ở Việt Nam** 2](#_Toc131765465)

[**1. Đánh giá chung về giáo dục đào tạo tại Việt Nam** 2](#_Toc131765466)

[**2. Đánh giá chung về chất lượng đào tạo của Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải** 2](#_Toc131765467)

[**II.** **Đánh giá chất lượng đào tạo của ngành Công nghệ thông tin Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải.** 5](#_Toc131765468)

[**1. Những điểm tích cực** 5](#_Toc131765469)

[**2. Những hạn chế, yếu kém** 11](#_Toc131765470)

[**III.** **Khảo sát các sinh viên CNTT tại Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải về vấn đề chất lượng giáo dục đại học** 14](#_Toc131765471)

[**IV.** **Tổng kết đánh giá về chất lượng đào tạo ngành CNTT của đại học GTVT, liên hệ** 18](#_Toc131765472)

[**1. Tổng kết đánh giá** 18](#_Toc131765473)

[**2. Liên hệ** 19](#_Toc131765474)

[**V.** **Tài liệu tham khảo** 22](#_Toc131765475)

1. **Phần mở đầu**
2. **Sinh viên thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Nhiệm vụ** | **Đánh giá** |
| **Nguyễn Tiến Tùng**  **(nhóm trưởng)** | *- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên, theo dõi tiến độ, định hướng nội dung,*  *- Theo dõi chỉnh sửa báo cáo, slide* | **Tốt** |
| **Đỗ Xuân Tùng** | ***-*** *Làm báo cáo* | **Tốt** |
| **Đỗ Đức Việt** | *-Làm slide* | **Tốt** |
| **Trần Quốc Việt** | *- Tổng hợp thông tin, tài liệu*  *- Thống kê kết quả phỏng vấn, đánh giá kết quả phỏng vấn* | **Tốt** |
| **Huỳnh Thanh Vinh** | *- Tìm nội dung, tài liệu về chất lượng đào tạo của các trường nói chung và ngành công nghệ thông tin của trường đại học giao thông vận tải nói riêng* | **Tốt** |
| **Vũ Thế Vinh** | *- Lên câu hỏi phỏng vấn mọi người về thực trạng chất lượng đào tạo, đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo.*  *- Phỏng vấn* | **Tốt** |
| **Khuất Quang Huy** | *- Tìm nội dung, tài liệu về chất lượng đào tạo của các trường nói chung và ngành công nghệ thông tin của trường đại học giao thông vận tải nói riêng* | **Tốt** |

1. **Lời nói đầu**

Cùng với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thì sự nghiệp ‘trồng người’ cũng là một vấn đề cần phải được quan tâm và chú trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Trình độ văn hóa của nhân dân nâng cao sẽ giúp chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ. Nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân cũng là một việc cần thiết để xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”. Như vậy, muốn đất nước Việt Nam phát triển giàu mạnh thì cần có thật nhiều những người có tài, có đức, có tri thức. Đó chính là mục tiêu của giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học.

Trong công cuộc từng bước hiện đại hóa đất nước hiện nay thì giáo dục luôn được Đảng và Nhà nước chú trọng mở rộng, phát triển, trong đó phải kể đến giáo dục đại học. Tuy nhiên chúng ta vẫn có thể thấy được còn nhiều bất cập trong công tác giảng dạy, quản lý và kể cả đầu ra cho sinh viên. Trong bài báo cáo này, chúng tôi sẽ tìm hiểu về thực trạng giáo dục đại học hiện nay ở Việt Nam, đặc biệt là ở ngành công nghệ thông tin và đưa ra những phương pháp cải thiện dưới góc độ nhìn nhận của sinh viên ngành công nghệ thông tin.

1. **Nội dung**
2. **Thực trạng của giáo dục đại học ở Việt Nam**

**1. Đánh giá chung về giáo dục đào tạo tại Việt Nam**

Hiện nay cả 3 miền Bắc, Trung, Nam tại Việt Nam có rất nhiều trường Đại học chuyên ngành khác nhau. Năm 2013 Chính phủ ban hành Quyết định số 37 về việc điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, giai đoạn 2006-2020. Đến năm 2020, cả nước có đến 460 trường Đại học, Cao đẳng, bao gồm 224 trường Đại học và 236 trường Cao đẳng.

Tuy nhiên, theo báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 29 của Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục (2013-2018) của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có đánh giá kết quả đổi mới giáo dục đại học và sau đại học. Theo đó, về quy mô, mạng lưới, cơ cấu ngành nghề: Đã xây dựng được mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học gồm 236 trường đại học, học viện (không tính các trường thuộc khối quốc phòng - an ninh) trong đó bao gồm 171 trường công lập, 60 trường tư thục và dân lập, 5 trường có 100% vốn nước ngoài). Như vậy, Việt Nam không thành lập, nâng cấp trường đại học nào nữa thì vẫn vượt mục tiêu Quyết định 37 đề ra 12 trường đại học. Đại học công lập giữ vai trò quan trọng nhất trong hệ thống GDĐH Việt Nam với tỉ lệ hơn 72% tổng số các cơ sở GDĐH.

Trong số đó có 6 cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam góp mặt trong bảng xếp hạng Đại học Thế giới 2023 của Tạp chí giáo dục uy tín Times Higher Education (THE), gồm: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP.HCM, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Duy Tân, Trường Đại học Tôn Đức Thắng và Đại học Huế.

Ngày nay, chất lượng đào tạo của các trường đại học ngày càng được nâng cao do nhà nước ta hiểu được tầm quan trọng của giáo dục đối với nền kinh tế, chính trị văn hoá xã hội nên luôn luôn chú trọng đẩy mạnh phát triển giáo dục. Đặc biệt là trong các trường đại học trong nước, một trọng những nơi đào tạo ra nguồn nhân lực tiên phong phục vụ cho sự phát triển của đất nước.

**2. Đánh giá chung về chất lượng đào tạo của Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải**

***2.1 Đánh giá chung***

Đối với trường ĐHGTVT năm 2022 xếp hạng 22 trong các cơ sở giáo dục đào tạo bậc đại học (bao gồm các Đại học Quốc gia và Đại học vùng) của Việt Nam và có tên trong danh sách 200 trường đại học hàng đầu của khu vực Đông Nam Á. Trong top 100 cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam, Nhà trường xếp hạng thứ 7 trong các trường đại học kỹ thuật của cả nước và tiếp tục đứng đầu các trường đại học trong lĩnh vực Giao thông vận tải. Đồng thời lần đầu tiên lọt vào danh sách 25 trường Đại học, cơ sở nghiên cứu có số lượng trích dẫn khoa học tốt nhất trong bảng xếp hạng Webometrics.

Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải có các chương trình liên kết quốc tế như Chương trình tiên tiến Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông; Chương trình liên kết đào tạo ngành Quản lý xây dựng hợp tác với Trường Đại học Bedfordshire (Vương quốc Anh); Chương trình liên kết đào tạo kỹ sư trình độ cao phối hợp giữa Nhà trường và doanh nghiệp kéo dài trong vòng 01 năm theo mô hình hợp tác giữa ba bên là Trường ĐHGTVT, Công ty Nissan Automotie Technology Việt Nam và Công ty Pasona Tech Việt Nam; Phối hợp với tổ chức HuReDee (Nhật Bản) triển khai khoá học thứ tư đào tạo tiếng Nhật và kỹ năng làm việc trong môi trường Nhật Bản cho sinh viên năm cuối của Khoa Công trình, Kỹ thuật xây dựng và Đào tạo quốc tế.

***2.2 Đánh giá chất lượng giảng viên***

Với yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo hội nhập quốc tế sâu rộng, những năm qua Trường Đại học GTVT hướng tới mô hình đại học đa ngành về kỹ thuật, công nghệ và kinh tế, trở thành trường đại học trọng điểm, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành GTVT và đất nước.

Xác định đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là nhiệm vụ trọng tâm và hướng đi chiến lược, Trường Đại học GTVT đã tập trung phát triển đội ngũ giảng viên, nhà khoa học ở tất cả các lĩnh vực. Nhiều giảng viên đã có cơ hội học tập, nghiên cứu và giảng dạy tại nước ngoài, do đó vững vàng trong chuyên môn, nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục quốc tế, thành thạo ngoại ngữ tiếng Anh và tiếng Pháp...Đặc biệt, nhiều giảng viên có uy tín đã tham gia giảng dạy tại các trường đại học nước ngoài sẽ là nguồn nhân lực nòng cốt để xây dựng chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết hay dự bị du học.

Ngoài ra, nhiều chương trình đào tạo của Trường Đại học GTVT được kiểm định chất lượng theo các tiêu chí quốc gia và quốc tế. Việc sàng lọc giảng viên được thực hiện sau khi có kết quả kiểm định hàng năm. Đặc biệt, thông qua việc tham gia giảng dạy và quản lý các chương trình tiên tiến và chất lượng cao trong nhiều năm qua, nhiều cán bộ và giảng viên đã được nâng cao năng lực trong công tác giảng dạy cũng như quản lý.

Những năm qua, nhiều đợt giảng viên đã được cử sang các trường đối tác và các trường đại học có uy tín trên thế giới để học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, tiếng Anh và nghiệp vụ quản lý. Những giảng viên tham gia giảng dạy các chương trình chất lượng cao phải là các giảng viên có thời gian học tập từ nước ngoài hay các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm thực tế, các kỹ sư giỏi nhiều kinh nghiệm từ doanh nghiệp, tổ chức đáp ứng tiêu chuẩn quy định thỉnh giảng của Trường. Bên cạnh đó, năng lực chuyên môn và đặc biệt là năng lực ngoại ngữ của các giảng viên tham gia chương trình chất lượng cao được nâng lên rõ rệt thông qua các dự án quốc tế về nghiên cứu và giảng dạy, điển hình như: Dự án nâng cao năng lực ngoại ngữ và năng lực chuyên môn do Tổ chức Đại học Pháp ngữ AUF tài trợ; Chương trình trao đổi giảng viên tại châu Âu trong khuôn khổ Chương trình hợp tác Erasmus + do Liên minh châu Âu hỗ trợ; dự án hỗ trợ của các công ty nước ngoài như Vinci (Pháp), Nippon Steel (Nhật Bản)... Bên cạnh đó, môi trường đào tạo của Nhà trường được quốc tế hóa với sự có mặt của các giảng viên người nước ngoài giảng dạy, đặc biệt là sự tham gia học tập của khoảng 25 sinh viên quốc tế mỗi năm đến từ châu Âu và Nhật Bản. Hoạt động giao lưu sinh viên quốc tế được duy trì đều đặn với các nhóm sinh viên người Nhật Bản, Hàn Quốc và Mỹ…

***2.3 Đánh giá chất lượng đào tạo và cơ sở vật chất***

Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải Hà Nội được xây dựng trên khuôn viên có tổng diện tích gần 21ha, gồm các khu giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng làm việc, hội trường, thư viện, nhà văn hóa, sân vận động… Tất cả đều được thiết kế hiện đại và bố trí hợp lý với nhu cầu sử dụng.

*\* Phòng học*

Khu giảng đường có 216 phòng học với diện tích trên 23.600m2 được xây dựng khang trang, sạch đẹp. Đặc biệt, Trường có hệ thống phòng máy tính được nối mạng ADSL, 4 phòng học ngoại ngữ chuyên dùng và trung tâm Thông tin thư viện điện tử giúp giảng viên, sinh viên có điều kiện tiếp cận và ứng dựng những thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến, hỗ trợ cho quá trình giảng dạy, học tập nhằm đạt được kết quả cao nhất.

Nhà trường còn có hội trường lớn với diện tích 2.197m2, nhà văn hóa 985,78m2 và 3.129m2 sân vận động phục vụ nhu cầu sinh hoạt ngoại khóa, văn nghệ và thể dục thể thao.

*\* Phòng thí nghiệm*

Phòng thí nghiệm Trung tâm Khoa học Công nghệ Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải được thành lập theo Quyết định số 2084/QĐ-TCCB ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Hiệu trưởng Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải trên cơ sở sát nhập Phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm Công trình-VILAS 047, phòng Thí nghiệm Cơ khí, Phòng Thí nghiệm Tự động hoá. Phòng thí nghiệm công trình trực thuộc Trung tâm được Văn phòng Công nhận Chất lượng - Bộ Khoa học Công nghệ công nhận phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo ISO/IEC 17025:2005 mang mã hiệu VILAS047 với hơn 80 phép thử.

Phòng thí nghiệm Trung tâm Khoa học Công nghệ Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải được thành lập theo Quyết định số 2084/QĐ-TCCB ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Hiệu trưởng Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải trên cơ sở sát nhập Phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm Công trình-VILAS 047, phòng Thí nghiệm Cơ khí, Phòng Thí nghiệm Tự động hoá. Phòng thí nghiệm công trình trực thuộc Trung tâm được Văn phòng Công nhận Chất lượng - Bộ Khoa học Công nghệ công nhận phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo ISO/IEC 17025:2005 mang mã hiệu VILAS047 với hơn 80 phép thử.

*\*Ký túc xá*

Khu ký túc xá có điện tích 20.411m2, gồm 230 phòng và hiện có khoảng 1.800 sinh viên đang cư trú. Khu ký túc xá biệt lập với khuôn viên trường nhưng vẫn được giám sát và quản lý chặt chẽ, đảm bảo an ninh trật tự và việc di chuyển không gây ảnh hưởng đến học tập của sinh viên.

*\*Thư viện của trường*

Thư viện điện tử của Trường Đại học GTVT là một trong những thư viện lớn trong các trường đại học ở Việt Nam. Hiện nay trung tâm quản lý 37.000 loại tài liệu với trên 120.000 bản tài liệu in trên giấy, các loại hình tài liệu như giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt; sách tham khảo tiếng Anh, Nga, Pháp. Luận văn, luận án và đề tài nghiên cứu khoa học, ấn bản định kỳ, tạp chí chuyên ngành bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Ngoài ra còn chứa trên 3600 tài liệu điện tử toàn văn bằng tiếng Anh về các lĩnh vực chuyên ngành.

Trải qua thời gian dài, cơ sở vật chất của trường hiện tại đang có dấu hiệu xuống cấp, trang thiết bị phục vụ quá trình học tập dần dần không còn bắt kịp với xu thế công nghệ của thời đại, nhiều cơ sở vật chất không dần dần lỗi thời. Mặc dù vậy, trường vẫn luôn luôn thực hiện công tác cập nhật đổi mới công nghệ dần dần để công tác giảng dạy truyền đạt kiến thức, kĩ năng kinh nghiệm tới sinh viên một cách hiệu quả nhất.

1. **Đánh giá chất lượng đào tạo của ngành Công nghệ thông tin Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải.**

**1. Những điểm tích cực**

Ngành công nghệ thông tin là một trong những ngành hot nhất hiện nay, đây chính là ngành quyết định rất lớn đến tiềm lực phát triển kinh tế của nước ta nói riêng cũng như là các nước trên thế giới nói chung. Chính vì thế mà chất lượng đào tạo ngành này ở trường đào tạo không ngừng được nhà trường chú trọng nâng cao. Theo đánh giá khách quan thì có thể nói ngành công nghệ thông tin của trường là một trong những ngành dẫn đầu về chuẩn đầu ra của trường. Tỷ lệ sinh viên ra trường theo ngành công nghệ thông tin có thể nói là dao động quanh con số 50%. Nhiều sinh viên sau khi ra trường làm việc trong các doanh nghiệp lớn trong nước, một số ít có thành tích tiêu biểu có thể được trường mời ở lại làm giảng viên ở trường hoặc trở thành giảng viên của một số trường đại học khác. Chính vì thế có thể nói chất lượng đào tạo của ngành công nghệ thông tin của Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải tương đối ổn.

***1.1 Đánh giá chất lượng chuẩn đầu vào***

Được mệnh danh là một trong những trường đào tạo về các ngành kĩ thuật tốt nhất miền Bắc, ngành công nghệ thông tin của Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải cũng thuộc top 10 trường đào tạo ngành công nghệ thông tin ở miền bắc. Cụ thể năm 2021 theo báo Việt Nam net Ngành công nghệ thông tin của trường có điểm chuẩn đầu vào là 25.35 điểm xếp thứ 6 điểm chuẩn đầu vào của ngành công nghệ thông tin của các trường.

Công nghệ thông tin là ngành học có mức điểm chuẩn cao thứ hai tại Trường ĐH Giao thông Vận tải trong năm 2021 với 25,65 điểm, chỉ xếp sau ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Ngoài ra, trường còn tuyển ngành Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao Công nghệ thông tin Việt – Anh) với mức điểm chuẩn là 25,35. năm 2022 vừa qua điểm trúng tuyển ngành CNTT của trường là 25.90 là một số điểm khá cao. Các thí sinh phải đạt trung bình trên 8.5 với mỗi môn thuộc tổ hợp xét tuyển. Điều đó cho thấy độ ‘hot’ của ngành CNTT cũng như chất lượng sinh viên của ngành. Từ đó cũng thấy được chất lượng đầu vào của ngành khá cao. Điều này cũng tạo ra một sự kì vọng về chất lượng nhân lực đầu ra cho doanh nghiệp.

#### **1.2 Đánh giá chất lượng của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra**

***\* Trình độ đào tạo: Đại học chính quy (Cấp bằng: Cử nhân)***

**- Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo Cử nhân Công nghệ thông tin được xây dựng theo hướng kỹ thuật. Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về công nghệ thông tin, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

**- Mục tiêu cụ thể**

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ thông tin có thể:

Mục tiêu 1. Có kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành đủ để vận dụng hình thành các kỹ năng xây dựng phần mềm, quản trị các hệ thống và học tập ở trình độ cao hơn.

Mục tiêu 2. Có khả năng giải quyết vấn đề, tư duy hệ thống, thực nghiệm. Có thái độ cá nhân tích cực và thái độ làm việc chuyên nghiệp phù hợp với môi trường làm việc và đặc thù nghề nghiệp.

Mục tiêu 3. Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp tốt và kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu 4. Có khả năng định vị bản thân, nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội chung để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng. Có kỹ năng hình thành ý tưởng, xây dựng và vận hành hệ thống công nghệ thông tin.

***\* Trình độ đào tạo: Đại học chính quy (Cấp bằng: Cử nhân)***

**- Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo Cử nhân Công nghệ thông tin được xây dựng theo hướng kỹ thuật. Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về công nghệ thông tin, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

**- Mục tiêu cụ thể**

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ thông tin có thể:

Mục tiêu 1. Có kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành đủ để vận dụng hình thành các kỹ năng xây dựng phần mềm, quản trị các hệ thống và học tập ở trình độ cao hơn.

Mục tiêu 2. Có khả năng giải quyết vấn đề, tư duy hệ thống, thực nghiệm. Có thái độ cá nhân tích cực và thái độ làm việc chuyên nghiệp phù hợp với môi trường làm việc và đặc thù nghề nghiệp.

Mục tiêu 3. Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp tốt và kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu 4. Có khả năng định vị bản thân, nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội chung để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng. Có kỹ năng hình thành ý tưởng, xây dựng và vận hành hệ thống công nghệ thông tin.

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo đều hướng tới việc đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực đầu ra cho doanh nghiệp, cung cấp kiến thức, kinh nghiệm cho sinh viên để khi ra trường có đủ kĩ năng theo kịp xu hướng công nghệ của thị trường.

Sinh viên quốc tế theo học tại Khoa Đào tạo quốc tế - Trường ĐHGTVT

***1.3 Giảng viên, cán bộ công nhân viên***

Ngày nay những nhà lãnh đạo các cơ sở giáo dục đại học không chỉ chuyên môn giỏi mà còn được bồi dưỡng khả năng quản lí. Họ thường là những người được đào tạo ở các nước có nền giáo dục đại học tiên tiến. Nhờ vậy họ có lối tư duy tiên tiến và hiện đại trong việc thay đổi luồng tư duy lối mòn cũ, có định hướng chiến lược phát triển lâu dài từng bước tiệm cận với giáo dục quốc tế.

Ngoài ra với sự đầu tư lớn nguồn vốn cho những người giỏi, tài đi học tập tại các nước tiên tiến, những người nay trở về mang theo kiến thức mà kỹ năng mà họ học được về đóng góp cho sự phát triển của giáo dục nước nhà. Đã có hàng ngàn người thầy bao gồm Giáo sư & Phó Giáo Tiến sĩ, Thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài đang giữ những vị trí quan trọng trong hệ thống GDĐH. Họ được mong đợi là những người mang lại sự thay đổi, đóng góp cho sự đổi mới theo hướng phát triển hội nhập của chương trình giảng dạy và nghiên cứu, tiến tới tiêu chuẩn giáo dục đại học ở tầm khu vực và quốc tế.

Đối với Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải nói chung, ngành CNTT của trường nói riêng chúng ta có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường.

Các cán bộ quản lý ngành CNTT có ý thức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt. Nhà trường có số lượng nhân viên có nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mà nhà trường đề ra theo quy định về biên chế và hoạt động cụ thể của từng bộ phận trong trường, đáp ứng hầu hết các nhiệm vụ của nhà trường. Khoa CNTT có đội ngũ giáo viên tiềm năng, hầu hết các cán bộ giảng viên của khoa đều ở độ tuổi từ 35 đến 45, trong đó có 01 PGS, 15 tiến sĩ, hơn 14 thạc sỹ trong đó có 05 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài và trong nước, đây là độ tuổi có sức trẻ và đã đủ độ chín trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Bộ môn Khoa học máy tính có 7 giảng viên do TS Hoàng Văn Thông làm Trưởng Bộ môn, ThS. Đỗ Văn Đức làm Phó trưởng Bộ môn.

- Bộ môn Công nghệ phần mềm có 10 giảng viên do TS. Nguyễn Hiếu Cường làm Trưởng Bộ môn, ThS. Cao Thị Luyên làm Phó trưởng Bộ môn.

- Bộ môn Mạng và các Hệ thống thông tin có 13 giảng viên do TS.Nguyễn Quốc Tuấn làm Trưởng Bộ môn, TS Bùi Ngọc Dũng làm Phó trưởng Bộ môn.

PGS.TS Phạm Văn Ất có các hướng nghiên cứu về phương pháp tính, kỹ thuật lập trình và bảo mật thông tin; PGS.TS Nguyễn Văn Long với các nghiên cứu về cơ sở và ứng dụng của logic mờ, hệ mờ; TS. Trần Văn Dũng tìm hiểu về các cơ chế lập trình song song; TS. Nguyễn Trọng Phúc có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tối ưu và xử lý ảnh; TS. Phạm Thanh Hà sử dụng các kỹ thuật mạng Nơron và giải thuật di truyền trong việc xây dựng các ứng dụng của cơ sở tri thức. TS. Bùi Ngọc Dũng nghiên cứu về khai phá dữ liệu, học sâu. Ngoài ra các giảng viên trong Khoa còn tham gia một số hướng nghiên cứu và xây dựng các ứng dụng về các lĩnh vực như: các biến thể của logic và ứng dụng trong lập trình; phát hiện và khắc phục lỗi trên môi trường phân tán, các phương pháp nhận dạng sinh trắc học, nâng cao chất lượng thể hiện các đối tượng trong môi trường thực tại ảo, lập trình nhúng, quản lý các đối tượng di động, bảo mật cho các dữ liệu Multimedia, ….

#### **1.4 Cơ sở vật chất, trang thiết bị**

Cơ sở vật chất được hiểu là tất cả các phương tiện được sử dụng cho mục đích giảng dạy, học tập và các hoạt động khác liên quan đến bồi dưỡng, đào tạo tại trường nhằm giúp giáo viên nâng cao chất lượng giảng dạy và sinh viên nâng cao khả năng tiếp thu, lĩnh hội, trải nghiệm kiến thức, đồng thời rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng cần thiết trong quá trình học tập tại trường. Học tập trong một môi trường có cơ sở vật chất hiện đại sẽ giúp cho các bạn sinh viên có được trải nghiệm tốt nhất trong quá trình tiếp thu kiến thức và phát triển bản thân. Bên cạnh đó, các nhu cầu về ký túc xá chất lượng cao, khu thể dục thể thao, sinh hoạt văn nghệ, câu lạc bộ… càng được sinh viên quan tâm trong suốt thời gian học đại học.

Khu vực thực hành của trường Đại học GTVT có đầy đủ phương tiện, thiết bị và dụng cụ trong xưởng thực hành phong phú về số lượng, chủng loại và chất lượng. Đảm bảo các yêu cầu về sư phạm, mỹ thuật công nghiệp, an toàn vệ sinh công nghiệp và vệ sinh môi trường. Hệ thống kho lưu giữ, bảo quản được thiết kế xây dựng ở những vị trí an toàn thuận tiện, đảm bảo các tiêu chuẩn như có mái che, hệ thống chiếu sáng, thông gió, chống ẩm mốc, phòng chống cháy nổ.

Đối với khoa CNTT, trường có thư viện với đủ các tài liệu phong phú từ tài liệu truyền thống tới tài liệu điện tử, và giáo trình được bổ sung, cập nhật hằng năm phục vụ cho công tác dạy và học của ngành CNTT.

Khoa CNTT của trường cũng có hai phòng thí nghiệm CNTT với 80 máy tính cấu hình cao, hệ thống mạng hoàn thiện, với cơ sở vật chất này khoa CNTT đã triển khai có hiệu quả các hoạt động thí nghiệm, thực hành và nghiên cứu khoa học cho sinh viên và cán bộ giảng viên. Tuy nhiên số lượng máy vẫn còn quá ít so với số lượng sinh viên; số lượng máy bị hỏng hóc, không thể sử dụng vẫn còn nhiều. Điều đó dẫn tới khi thực hành sẽ phải sử dụng chung hoặc sinh viên tự mang theo laptop của mình trong các ca thực hành.

***1.5 Liên kết hợp tác với các doanh nghiệp trong nước***

Đối với trường Giao Thông Vận Tải khoa CNTT chúng ta có quan hệ chính thức với nhiều tổ chức Công nghệ thông tin lớn trong nước như: Hội Tin học Việt Nam, FPT, Hài Hòa, Việt Software, Viện Công nghệ thông tin - Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam, Viện Công nghệ thông tin và truyền thông – Đại học Bách khoa Hà Nội, Khoa Công nghệ thông tin - Trường Đại học Công nghệ, Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Kỹ thuật Quân sự, Viettel ICT, Samsung, ...

Hằng năm các doanh nghiệp trong nước cũng tích cực liên kết nâng cao chất lượng đào tạo, cũng như là khích lệ tinh thần học tập cho sinh viên. Nhiều doanh nghiệp chi ra nhiều khoản tiền đầu tư năng cao chất lượng nhân lực. Điển hình là tập đoàn SamSung thường xuyên tài trợ tổ chức các cuộc thi như là Olympic tin học sinh viên với nhiều giải thưởng hấp dẫn. Đây có thể nói là một cuộc thi diễn ra hằng tuần nhằm khích lệ sinh viên tham gia, giúp sinh viên nâng cao kĩ năng tư duy lập trình, tư duy thuật toán.

Cũng nhờ sự khích lệ thường xuyên, mà năm 2022 vừa rồi khoa rất vinh dự khi có bạn Nguyễn Quỳnh Sơn và một số thành viên khác đại diện cho khoa đi thi cuộc thi Olympic tin học sinh viên toàn quốc ở Hồ Chí Minh và đã đạt được thành tích cao. Ngoài ra tập đoàn còn tài trợ nâng cấp cơ sở vật chất cho khoa như là máy tính các phòng lap phục vụ mục đích học tập. Tài trợ mở các lớp bổ trợ kiến thức cho sinh viên yếu về thuật toán…. Có thể nói là doanh nghiệp trong nước rất chú trọng phát triển đầu tư để nâng cao chất lượng cho ngành công nghệ thông tin của trường.

Ngoài ra còn có nhiều suất học bổng khuyến khích sinh viên đến từ các doanh nghiệp đối với các sinh viên có thành tích tốt trong học tập.

Ảnh có chứa văn bản, sàn, trong nhà

Mô tả được tạo tự độngẢnh có chứa văn bản

Mô tả được tạo tự độngẢnh có chứa biểu đồ

Mô tả được tạo tự động Ảnh có chứa văn bản, trong nhà, trần nhà, người

Mô tả được tạo tự động

Về vấn đề việc làm, trên cơ sở các quan hệ này Khoa CNTT đã tiến hành trao đổi học thuật cho giảng viên, tổ chức các hoạt động giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên và gửi sinh viên đi thực tập chuyên môn tại các đơn vị này.

Hằng năm khi đến kì hai của năm ba sinh viên sẽ được trường gửi tới các doanh nghiệp để thực hiện quá trình thực tập chuyên ngành. Tại doanh nghiệp sinh viên sẽ được trực tiếp thực hành, trực tiếp tham gia vào dự án của doanh nghiệp, được các anh chị có nhiều kinh nghiệm hướng dẫn, định hướng, tự mình trau dồi kiến thức, kĩ năng phục vụ sau này ra trường. Nếu như trong quá trình thực tập sinh viên nào mà có biểu hiện, thành tích tốt thì có thể được doanh nghiệp giữ lại làm nhân viên chính thức sau khi tốt nghiệp. Theo thực tế thì có rất nhiều sinh viên sau khi ra trường được nhận làm chính thức tại các doanh nghiệp. Có nhưng sinh viên được doanh nghiệp trao học bổng lên đến 100 triệu. Sinh viên đó cần cam kết khi ra trường phải làm việc cho doanh nghiệp một khoảng thời gian nhất định. Tuy nhiên có nhiều doanh nghiệp khác sẵn sàng đầu tư để kéo nhân tài về.

### **2. Những hạn chế, yếu kém**

Bên cạnh những mặt tích cực, những điểm sáng cần phải được thừa nhận thì đâu đó vẫn còn những mặt tối, những thực trạng cần phải cải thiện của giáo dục đại học ở Việt Nam.

#### **2.1 Chất lượng giảng viên**

Về phía trường Đại học GTVT, đối với giảng viên, việc trả lương theo hình thức “công khai” cũng cho thấy cách quản lí chưa tốt. Số lượng sinh viên học tại một giảng đường đông nhưng giảng viên chỉ có một làm giảm hiệu quả học tập và giảng dạy. Nhiều giảng viên chưa có cách diễn đạt hợp lý, không truyền được cảm hứng tới sinh viên.

Bên cạnh đó, đa số giảng viên đều có công việc khác ở bên ngoài trường, họ vừa đi làm ở công ty vừa dạy trên giảng đường, điều này có thể dẫn đến việc họ chưa thể tập trung hoàn toàn vào việc giảng dạy ở trên trường, bài giảng chưa đạt chất lượng khiến các sinh viên trở nên chán nản với môn học.

#### **2.2 Phương pháp giảng dạy nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành**

Hầu như các giảng viên chỉ quan tâm đến việc truyền đạt kiến thức và kiểm tra trí nhớ mà không quan tâm đến rèn luyện kỹ năng, sự sáng tạo cho sinh viên. Chưa hướng dẫn được cho sinh viên phương pháp học tập, khuyến khích sinh viên tự học. Không lấy sinh viên làm trung tâm trong quá trình dạy học. Không quan tâm đến thực hành, thực tập. Chương trình học nặng tính lý thuyết, tính thực hành thực tiễn không cao. Ít có những phương pháp học khuyến khích được tinh thần tập thể, sáng tạo của sinh viên. Mặc dù nhiều trường đã thực hiện giảng dạy theo hình thức tín chỉ, nhưng vẫn chỉ là hình thức. Sinh viên không được tự do chọn chương trình học cho mình mà phải theo quy định của trường. Nội dung đào tạo cũng không còn phù hợp với tình hình thực tiễn. Giáo trình biên soạn cho thấy còn thiếu chuyên môn, chưa thiết thực, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Đối với ngành CNTT, sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ có thể tính theo từng ngày từng giờ thậm chí từng giây, nội dung các môn học trên trường không sát thực tiễn hay đã quá lỗi thời không còn được sử dụng nhiều dẫn tới tình trạng sinh viên khi ra trường sẽ bị shock với lượng kiến thức còn yếu kém của mình. Thậm chí việc đi thực tập đối với sinh viên CNTT như đang đi học lại đại học. Chú trọng lý thuyết hơn thực hành trong phương pháp giảng dạy đã khiến cho sinh viên không nắm bắt được thực tế công việc, bởi luôn có khoảng cách từ lý thuyết đến thực hành, dẫn đến việc đào tạo đại học đang rơi vào tình trạng “thừa thầy thiếu thợ”. Cũng từ đó số lượng sinh viên xin việc rất nhiều nhưng ít người có thể đáp ứng nhu cầu công việc thực tế ở các doanh nghiệp

Sinh viên yếu về kỹ năng mềm hay còn gọi là kỹ năng thực hành xã hội, như giao tiếp tiếng Anh (cũng do năng lực tiếng Anh kém), kỹ năng làm việc nhóm, xử lý vấn đề, …. Bên cạnh đó, còn những kỹ năng khác như tin học, sử dụng các phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ hỗ trợ công việc. Sinh viên yếu kỹ năng mềm sẽ khó hòa nhập và làm việc thiếu hiệu quả, do vậy mất đi cơ hội được các doanh nghiệp tuyển dụng.

Số lượng sinh viên đạt yêu cầu tiếng Anh thực sự không nhiều và số này hầu hết thuộc nhóm chuyên ngành, còn lại rất đáng lo ngại. Được học tiếng Anh từ bậc tiểu học cho tới khi lên đại học, chưa kể việc học thêm ở các trung tâm Anh ngữ, nhưng nhiều sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp do còn nợ môn tiếng Anh. Điều này gây lãng phí cho xã hội, gia đình và cho chính bản thân người học. Năng lực ngoại ngữ kém còn dẫn đến một thực trạng khác cũng phổ biến là sinh viên khó xin việc làm. Không ít sinh viên khi xin việc không đáp ứng được yêu cầu về kỹ năng, khả năng giao tiếp tiếng Anh của các doanh nghiệp khi cần tuyển dụng nhân lực có trình độ cao.

Không cần đi đâu xa, ta lấy ví dụ về đại học FPT điển hình cho một mô hình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Mặc dù mới được thành lập ở Việt Nam nhưng là một trong những top đầu trường đào tạo ngành công nghệ thông tin tốt nhất cả nước. Phương pháp đào tạo của trường là chú trọng thực hành. Tiêu chí của họ là cầm tay chỉ việc, học lý thuyết đến đâu thực hành đến đấy, học đào tạo ra những kĩ sư chất lượng cao, đáp ứng rất tốt chuẩn đầu ra của doanh nghiệp. Sinh viên vào đây đa số 90% ra trường làm về ngành và được cam kết việc làm đầu ra.

Đối với ngành công nghệ thông tin của Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải, mặc dù trường luôn luôn tích cực năng cao chất lượng giảng dạy cũng như là đào tạo cho sinh viên để sinh viên ra trường có thể đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp tuy nhiên cho đến hiện nay điều này vẫn còn rất khó. Thực tế thì sinh viên học công nghệ thông tin của trường khi ra trường khi có thể nói là xác suất sinh viên làm trong ngành chiếm dao động quanh 50% đó cũng chỉ là một con số áng trừng và con số này chỉ tăng lên trong nhưng năm gần đây do ngành này công nghệ phát triển còn trước đó có thể ít hơn. Hơn thế nữa không phải tất cả số lượng người này khi ra trường đề đáp ứng được chuyên môn kĩ thuật trong ngành, có một số còn phải đào tạo lại do trong quá trình học

#### **2.3 Thiếu định hướng nghề nghiệp**

Thiếu định hướng nghề nghiệp là một trong những vấn đề lớn nhất mà sinh viên VN gặp phải. Nhiều sinh viên chưa có định hướng rõ ràng về ngành học của mình. Một số chọn ngành theo sự sắp đặt của cha mẹ, hoặc theo xu hướng đám đông mà không biết có thật sự phù hợp với khả năng của mình hay không. Chính điều này đã ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo dẫn đến tình trạng nguồn nhân lực đầu ra yếu kém, khó đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp.

Điển hình nhất trong những năm gần đây, học sinh sau khi thi xong tốt nghiệp đã đổ xô vào ngành Công nghệ thông tin dẫn đến điểm đầu vào của ngành tăng vọt. Tuy nhiên sự lựa chọn theo đám đông không mang lại kết quả tốt đẹp cho tất cả mọi người, khi bắt đầu học tập một số sinh viên mới cảm thấy mình không thật sự phù hợp với ngành dẫn đến tình trạng chán nản, bỏ dở việc học giữa chừng hay thậm chí chuyển sang ngành học khác gây tốn kém thời gian và kinh tế đối với gia đình cũng như bản thân người học. Thậm chí có những trường, CNTT vốn không phải là thế mạnh nay cũng tự lập khoa CNTT để "bắt kịp" xu hướng này. Điều đó dẫn tới cung nhiều nhưng không đảm bảo đủ tiêu chí chất lượng nhân sự của thị trường, thiếu tính cạnh tranh và phát triển với nhân sự quốc tế, dẫn đến tình trạng các trường Đại học đào tạo một số lượng lớn các kỹ sư Công nghệ thông tin nhưng số lượng đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng lại quá ít. Đồng thời số lượng sinh viên học ngành công nghệ thông tin làm trái ngành khá lớn.

Về phía khoa CNTT của trường GTVT, việc định hướng công việc sau tốt nghiệp khi học trong trường cũng còn nhiều hạn chế. Các buổi giao lưu, định hướng việc làm vẫn còn có quy mô vừa và nhỏ, chưa tiếp cận đến tất cả các sinh viên trong khoa. Bên cạnh đó các buổi giao lưu, định hướng được tổ chức rất ít và cũng chưa thực sự chiếm được sự quan tâm của các bạn sinh viên trong khoa.

#### **2.4 Trình độ quản lý trong giáo dục đại học**

Cách quản lí trong giáo dục hiện nay còn nhiều bất cập, chưa thực sự áp dụng công nghệ trong thời đại công nghệ 4.0. Hệ thống cập nhật điểm thi sinh viên ở một số trường đại học còn thủ công, tốn nhiều thời gian. Việc thông báo điểm thi chưa đến từng sinh viên bằng hệ thống thông tin điện tử mà còn hình thức bảng điểm đăng trên trang web, không có tính riêng tư.

Đối với trường GTVT, việc quản lí sinh viên học tại giảng đường còn nhiều lỏng lẻo, chưa thúc đẩy tinh thần học tập tự giác của sinh viên, các sinh viên có thể tự ý nghỉ học nếu giảng viên không giám sát, điểm danh. Việc điểm danh thông thường cũng tốn rất nhiều thời gian trong mỗi tiết học. Mỗi lớp học sẽ có khoảng 50 – 70 sinh viên, việc điểm danh thủ công trung bình tốn khoảng 10 – 15 phút, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy. Thay vào đó việc áp dụng công nghệ kỹ thuật sẽ tiết kiệm được rất nhiều thời gian. Điển hình như trường Đại học, Cao đẳng FPT đã và đang sử dụng việc điểm danh bằng camera trước mỗi buổi học, không chỉ giúp tiết kiệm thời gian mà còn thúc đẩy tinh thần tự giác của sinh viên.

Ngoài ra việc thông tin đến cho sinh viên thông báo của nhà trường còn chậm trễ. Một ví dụ cụ thể như việc thông báo của trường chúng ta sẽ được gửi lên trang qldt.utc.com và được thông báo cho các cố vấn học tập hay lớp trưởng. Tuy nhiên số lượng sinh viên có thể đọc thông báo trên trang qldt.utc.com còn thực sự quá ít bởi vì có rất ít sinh viên truy cập vào trang web này thường xuyên. Mà việc thông báo cho cố vấn học tập hay lớp trưởng có thể xảy ra thiếu sót dẫn tới thông tin bị truyền đạt chậm trễ. Qua đó ta thấy cách quản lí giáo dục còn chưa thực sự tốt.

***2.5 Chưa tạo được sự liên thông giữa các chuẩn mực giáo dục đại học trong nước và quốc tế***

 Mặc dù được đặt dưới sự quản lý và giám sát chặt chẽ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhưng trên thực tế, khả năng liên thông kiến thức giữa các cơ sở giáo dục đại học ở nước ta hiện nay còn rất hạn chế, ít thừa nhận và tiếp nhận các kết quả đào tạo của nhau, nên người học rất khó khăn khi chuyển trường, ngành học. Việc liên thông kiến thức giữa các cơ sở giáo dục đại học trong nước và ngoài nước lại càng khó khăn hơn do có sự khác biệt về mục tiêu, nội dung và phương pháp đào tạo giữa các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế (trừ các chương trình liên kết đào tạo theo thỏa thuận). Điều này không những gây khó khăn cho người học khi muốn chuyển đến cơ sở giáo dục ngoài nước, mà ngay cả việc công nhận văn bằng, chứng chỉ của các cơ sở giáo dục trong nước tại các nước mà người học chuyển đến định cư hoặc công tác cũng không phải dễ dàng.

Chương trình đào tạo chưa đạt chuẩn với các nước trong khu vực châu Á và trên thế giới. Cần cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo để bắt kịp với khu vực và trên thế giới. Từ đó, chúng ta từng bước nâng cao giá trị văn bằng theo các tiêu chuẩn quốc tế. Việc chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ giúp đáp ứng nhu cầu của người học, nhờ tính linh hoạt và mềm dẻo của nó. Tuy nhiên, hình thức tín chỉ vẫn còn có nhiều nhược điểm, như là tính liên thông, tính liên kết ngang – dọc vẫn còn nhiều mặt hạn chế. Đây chính là một trong những khó khăn cần được tiếp tục khắc phục khi bước vào hội nhập quốc tế. Hiện nay, văn bằng giáo dục trong nước không được công nhận ở các nước trong khu vực và trên thế giới nên người học vẫn chưa thấy được mối liên kết giữa giáo dục trong nước và quốc tế. Điều này buộc các sinh viên trong nước khi có mong muốn học lên các chương trình nâng cao của nước ngoài phải học lại từ đầu.

1. **Khảo sát các sinh viên CNTT tại Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải về vấn đề chất lượng giáo dục đại học**

Chúng tôi đã thực hiện 1 khảo sát nhỏ với các sinh viên thuộc khoa Công nghệ thông tin Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải. Nội dung của cuộc khảo sát là: Vấn đề chất lượng đào tạo của các trường đại học hiện nay và giải pháp của các bạn về những vấn đề này. Sau đây là tổng kết kết quả của buổi khảo sát:

***\* “Theo bạn về chất lượng giáo dục đào tạo đại học hiện nay có tình trạng như thế nào? Nếu tích cực hay tiêu cực hãy nêu cho mình một số dẫn chứng cụ thể để chứng minh?”***

35% số người được hỏi đồng tình với quan điểm giáo dục đại học hiện nay còn quá nhiều tiêu cực và bất cập, 55 % số người tham gia cho rằng hiện tại giáo dục đại học tại Việt Nam đã được cải thiện hơn nhiều xong vẫn còn một vài những tồn tại, một số ít chiếm 10% cho rằng giáo dục đại học tại Việt Nam đang làm tốt vai trò của mình.

Trong số đó có một số quan điểm rất thú vị, chúng tôi xin được phép trích dẫn lại:

- “Chất lượng giáo dục đại học khá kém.Tình trạng hiện nay là số lượng đầu ra sinh viên ra trường mang nặng tính lý thuyết, thiếu thực hành kĩ năng công việc, ra trường các doanh nghiệp bắt buộc phải đào tạo lại nhân sự của mình từ đầu và có khi từ con số 0.”

- “Mình thấy không được tốt lắm. Sinh viên không nắm được kiến thức sau khi học xong, tình trạng ‘Fake CV’ diễn ra khá nhiều.”

- “Chất lượng đã được cải thiện hơn rất nhiều nhưng vẫn còn khá yếu hơn so với giáo dục trên thế giới”

***\*“Cho mình biết vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo đại học hiện nay có được nhà nước và các nhà trường quan tâm? Hãy nêu dẫn chứng cụ thể?”***

Khi được hỏi về sự quan tâm của nhà nước và nhà trường đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo thì 100 % các bạn sinh viên cho rằng các nhà trường và nhà nước đang hết sức quan tâm tới việc nâng cao chất lượng đào tạo và còn đưa ra các dẫn chứng như

Nhiều chương trình đào tạo đại học hiện nay cũng có nhiều cải tiến để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Ví dụ như việc tập trung vào các chương trình đào tạo kỹ năng mềm, hướng dẫn sinh viên làm quen với công nghệ thông tin, cung cấp các khóa học thực tế và các trải nghiệm thực tế trong lĩnh vực chuyên môn;

Các nhà trường cũng đang tăng cường việc đánh giá chất lượng giáo dục đại học, bao gồm việc đánh giá chương trình đào tạo, đánh giá năng lực sinh viên, đánh giá chất lượng giảng viên, để có những biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục.

***\* “Các trường đại học và các chuyên gia đã đưa ra rất nhiều phương phương pháp đào tạo giáo dục đại học và được đánh giá là rất hay và hiệu quả song vẫn còn tồn tại phần lớn sinh viên dù được tiếp cần trực tiếp với các phương pháp ấy nhưng mức độ tiếp thu vẫn càn rất yếu, hãy cho mình biết tại sao lại như vậy? Liệu nguyên nhân có phải do các phương pháp chưa đúng đắn với tất cả sinh viên hay do ý thức của họ còn kém?”***

- 40% các bạn sinh viên cho rằng không phù hợp với cách học của một số sinh viên.

- 30 % cho rằng do chính ý thức bản thân của sinh viên.

- Còn lại 30% cho rằng là khả năng tiếp thu kiến thức của sinh viên còn phụ thuộc vào một số yếu tố như trình độ học vấn, khả năng tư duy, kĩ năng ghi chép và học tập, thiếu tương tác cũng như sự quan tâm đối với các giảng viên.

***\* “Theo bạn, chất lượng của giảng viên có tác động như thế nào đến chất lượng đào tạo?”***

- 40% sinh viên cho rằng giảng viên có thể khiến học sinh tiếp thu kiến thức tốt hơn từ đó tạo động lực học tập cho bản thân mình. Và trong số đó có 50% số sinh viên cho rằng đây lại là yếu tố then chốt truyền cảm hứng cho người học.

- 60% còn lại sinh viên cho rằng giảng viên chỉ tác động 1 phần đến chất lượng đào tạo bởi đại học là môi trường tự học và giảng viên chỉ là người dạy những điều cơ bản nhất để mỗi người scó thể tìm hiểu và tự học.

***\* “Ngoài chất lượng giảng viên tốt thì chất lượng cơ sở vật chất có ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng đào tạo giáo dục đại học hiện nay?* “**

100 % các bạn sinh viên khẳng định cơ sơ vật chất có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo tại đại học hiện nay bởi cơ sở vật chất bao gồm các tài liệu, phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện, các phương tiện hỗ trợ giảng dạy... mặc dù trong xã hội ngày càng phát triển như hiện nay, mỗi sinh viên đi học gần như đã có đầy đủ những thiết bị cần thiết cho môn học mà họ theo đuổi, tuy nhiên vẫn có những chuyển ngành mà cơ sở vật chất rất đắt đỏ mà sinh viên không thể chuẩn bị qua đó trường đại học có cơ sở vật chất tốt sinh viên sẽ được tiếp thu kiến thức một cách trọn vẹn, tạo hứng thú cho sinh viên trong học tập thậm chí sẽ giúp các bạn dễ dàng tiếp thu bài giảng ngồi học sẽ thoải mái, các tiết thực hành sẽ sinh động và trực quan.

***\* “Bạn hiểu như thế nào là “Giáo Dục Toàn Diện”? Hãy cho mình biết những kết quả tốt mà nó đem lại?”***

Hầu hết tất cả các bạn sinh viên tham gia khảo sát đều hiểu được phần nào về giáo dục toàn diện. Chúng tôi xin được trích lại một vài ý kiến sau đây:

- “Là giáo dục về mọi mặt, mọi phương diện, nó có thể đem lại cho mọi người sự hiểu biết sâu rộng hơn về mọi lĩnh vực từ đó có thể dễ dàng áp dụng các kiến thức vào các lĩnh vực đời sống.”

- “Là giáo dục về cả kiến thức lẫn kỹ năng sống, thể chất đạo đức, .... Kết quả là sinh viên sẽ phát triển toàn diện mọi mặt.”

- “Giáo dục toàn diện là giáo dục cả về thể chất lẫn con người.”

***\* “Bạn thấy như thế nào về chất lượng đào tạo của trường mình nói chung và ngành công nghệ thông tin nói riêng?”***

Phần lớn các sinh viên tham gia đánh giá đều đánh giá trường nói chung và khoa CNTT nói riêng có chất lượng đào tạo ổn định:

- “Ưu điểm của trường mình là học phí rẻ nhưng chất lượng đào tạo ổn định, tương đối phù hợp cho đa số sinh viên trong khoa, đào tạo đầy đủ các lĩnh vực, vs trang thiết bị ko quá lỗi thời và còn dùng được, đầy đủ dàn máy cho CNTT phục vụ thi và thực hành. đánh giá 8.5/10.”

- “Theo bản thân em là sinh viên của trường mình em cảm thấy chất lượng đào tạo rất tốt cả về toàn ngành nói chung và ngành CNTT nói riêng.”

- “Chất lượng đào tạo của trường tương đối là rất tốt. Về ngành công nghệ thông tin thì nhìn chung là tốt. Khoa CNTT tổ chức rất nhiều cuộc thi lập trình để sinh viên có thể áp dụng kiến thức mình học vào giải điều đó giúp sinh viên tự tin hơn.”

- “Về trường mình cơ bản là đáp ứng được đủ lượng kiến thức cơ bản cũng như chuyên ngành, tuy nhiên một số giáo viên thường hay không dạy đủ số tiết học.”

***\* “Là một sinh viên đang học tại Giao thông Vận tải bạn thấy phương pháp “Học đi đôi với hành” có được nhà trường chú trọng?”***

50 % sinh viên trong cuộc khảo sát cho rằng trường chưa quá chú trọng đến phương pháp này , cụ thể số tiết thực hành khá ít so với tổng số tín chỉ đã đăng kí lí do được đưa ra ở đây cõ lẽ là do cơ sở vật chất của trường còn khá hạn chế nhưng mặt khác lại giúp cho sinh viên đề cao được tính tự học.

50% còn lại cho rằng trường đã áp dụng hiệu quả phương pháp này thể hiện qua các hoạt động và thực hành thực tế để sinh viên nhận thức được và nâng cao trình độ hơn và ngược lại với ý kiến trên thì các bạn này cho biết ví dụ như môn học đăng kí 2 tín chỉ thì đã có 1 tín là thực hành rồi , kể cả 3 tín cũng có 1 tín thực hành , vậy thực hành chiếm từ 1/3 đến 1/2 thời lượng học chưa kể trên lớp lý thuyết cũng được lồng ghép rất nhiều thực hành chính vì vậy nên nhà trường đã rất chú trọng phương pháp trên.

***\* “Bạn có thể cho mình biết điều gì khó khăn khiến bạn khó tiếp cận với kiến thức trong quá trình học đại học? nếu có thể hãy cho mình biết giải pháp của bạn để vượt qua sự khó khăn đó?”***

Trong cuộc khảo sát chỉ ra 50% các khó khăn mà các bạn đưa ra khá nhiều tiêu biểu như: khó khăn tìm hiểu về các khái niệm cơ bản và thuật ngữ chuyên ngành, số lượng kiến thức và kỹ năng cần học là rất lớn, việc thực hành và giải quyết các bài toán thực tế, ... và để vượt qua khó khăn mắc phải, các bạn cũng đã đề xuất các giải pháp như tìm kiếm các tài liệu chất lượng, tập trung học tập và thực hành, tìm kiếm hỗ trợ từ giảng viên và các bạn học khác, tham gia các hoạt động ngoại khóa.

50% cho rằng khó khăn lớn nhất đối với các bạn là các bài tập lớn bởi vì phải tự tìm hiểu, mày mò các kiến thức rất rộng và đưa ra được giải pháp chính là xem Youtube và các tài liệu giúp ta học được kiến thức mới.

***\* “Ngoài việc học tập tại trường chúng ta cần trang bị thêm nhiều kiến thức nền tảng từ việc tự học và thực tập tại các doanh nghiệp khác, việc nhà trường đẩy mạnh công tác liên kết với các công ty nhằm tạo điểu kiện thuận lợi cho sinh viên làm việc và học tập có phải là giải pháp hay để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo? Hãy cho mình biết ý kiến của bạn?”***

Tất cả các bạn sinh viên đều cho rằng đây chính là một giải pháp rất hay để qua đó các bạn có được kiến thức từ thực tiễn từ đó nâng cao chất lượng giáo dục, thậm chí một số bạn còn cho rằng nhà trường khi áp dụng giải pháp này sẽ giúp các bạn được tiếp cận với thực tế công việc và áp dụng kiến thức vào công việc thực tế, giúp các bạn có những kỹ năng mềm, kinh nghiệm thực tiễn cần thiết cho công việc sau này và bên cạnh đó đây còn là yếu tố kiên quyết trong CV khi ra trường.

1. **Tổng kết đánh giá về chất lượng đào tạo ngành CNTT của đại học GTVT, liên hệ**

**1. Tổng kết đánh giá**

Qua 2 phần trên ta có thể thấy, đối với việc đào tạo ngành CNTT của đại học GTVT, trường có những điểm mạnh như:

- Cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại, được đầu tư đồng bộ như phòng máy tính, phòng thí nghiệm và thư viện.

- Chương trình đào tạo tương đối phù hợp với yêu cầu thực tiễn của ngành Công nghệ thông tin, học sinh được học các kỹ năng thực hành và được hỗ trợ đầy đủ các công cụ và phần mềm cần thiết.

- Trường có mức học phí được đánh giá là hợp lí, khá rẻ ngoài ra còn có các chính sách hỗ trợ tài chính cho học sinh giỏi và có hoàn cảnh khó khăn.

- Có đội ngũ giáo giảng viên chất lượng cao, đa phần là các tiến sĩ, thạc sĩ có nhiều kinh nghiệm trong ngành Công nghệ thông tin, có trình độ và kỹ năng giảng dạy tốt.

- Có quan hệ hợp tác với nhiều các tổ chức Công nghệ thông tin lớn trong nước.

- Có thâm niên trong việc giảng dạy CNTT tính đến nay đã đạt 20 năm (thành lập khoa năm 2003) và tiền thân là bộ môn Tin học của trường được thành lập năm 1988.

Tuy nhiên, ĐH GTVT cũng còn một số điểm chưa thực sự tốt và cần phải cần cải thiện như:

- Chưa đạt được các chuẩn mực quốc tế trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Việc quản lí sinh viên học tại giảng đường còn nhiều lỏng lẻo, chưa thúc đẩy tinh thần học tập tự giác của sinh viên.

- Còn thiếu sự đa dạng trong chương trình đào tạo và chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của ngành CNTT hiện nay.

- Giáo trình vẫn chưa theo kịp tốc độ phát triển của ngành, vẫn còn cũ, lạc hậu.

- Tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm ngay còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu trình độ chuyên môn cho doanh nghiệp.

**2. Liên hệ**

\* Đối với sinh viên:

- Tìm hiểu thêm về ngành công nghệ thông tin: Sinh viên cần phải tìm hiểu về các xu hướng công nghệ mới nhất và các chương trình đào tạo để có thể đưa ra quyết định hợp lý về hướng đi của mình trong ngành công nghệ thông tin.

- Tham gia các hoạt động thực hành: Sinh viên cần tìm cách tham gia các hoạt động thực hành, bao gồm các dự án thực tế, các bài tập lập trình, các thử nghiệm và các chương trình thực tập để rèn luyện các kỹ năng thực tế và tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Tự học và nghiên cứu thêm: Sinh viên cần tự học và nghiên cứu thêm để nâng cao kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Các nguồn học tập bao gồm sách, bài viết, tài liệu trực tuyến, các khoá học trực tuyến hoặc các lớp học bổ sung.

- Tham gia các câu lạc bộ và các hoạt động ngoại khoá: Sinh viên cần tham gia các câu lạc bộ và hoạt động ngoại khoá để tăng cường kỹ năng xã hội, giao tiếp và làm việc nhóm, đồng thời cũng có cơ hội học hỏi thêm kinh nghiệm từ các sinh viên khác.

- Tham gia các cuộc thi và các sự kiện trong lĩnh vực công nghệ thông tin: Tham gia các cuộc thi và sự kiện sẽ giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng thực tế, cũng như tăng cường kỹ năng giao tiếp và xây dựng mối quan hệ. Ngoài ra, các cuộc thi và sự kiện còn là cơ hội để sinh viên giới thiệu các ý tưởng mới và tìm kiếm cơ hội để thực hiện các dự án trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Học tiếng Anh: Tiếng Anh là ngôn ngữ chính trong ngành công nghệ thông tin. Việc học tiếng Anh sẽ giúp sinh viên có thể đọc và hiểu được các tài liệu chuyên ngành, tham gia vào các diễn đàn quốc tế để tìm hiểu các công nghệ mới nhất và tương tác với các chuyên gia trong lĩnh vực.

- Thực tập: Thực tập là cách tốt nhất để tiếp cận với thực tế và học hỏi từ những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Sinh viên nên tìm kiếm các cơ hội thực tập để rèn luyện kỹ năng thực tế và có thêm kinh nghiệm làm việc.

- Đóng góp vào các dự án mã nguồn mở: Đóng góp vào các dự án mã nguồn mở sẽ giúp sinh viên học hỏi các kỹ năng lập trình và cộng đồng lập trình viên khác, đồng thời giúp sinh viên xây dựng danh tiếng và mối quan hệ trong cộng đồng lập trình viên.

- Tham gia các khóa học bổ sung: Ngoài các khóa học chính trong chương trình đào tạo, sinh viên cần tham gia các khóa học bổ sung để cập nhật các công nghệ mới nhất và nâng cao kỹ năng. Các khóa học bổ sung có thể là các khóa học trực tuyến hoặc các khóa học tại các trung tâm đào tạo chuyên nghiệp.

- Xây dựng dự án cá nhân: Xây dựng dự án cá nhân là cách tốt nhất để sinh viên có thể rèn luyện kỹ năng và hiểu sâu về các công nghệ. Sinh viên có thể tìm kiếm ý tưởng và thực hiện các dự án cá nhân hoặc tham gia vào các dự án cộng đồng để học hỏi kinh nghiệm từ các thành viên khác.

- Tham gia các cuộc thi, hackathon: Các cuộc thi, hackathon là cơ hội để sinh viên thể hiện và rèn luyện kỹ năng lập trình, thiết kế và giải quyết vấn đề. Tham gia các cuộc thi, hackathon cũng giúp sinh viên gặp gỡ và kết nối với các chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Học kỹ năng mềm: Kỹ năng mềm là kỹ năng rất quan trọng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, bao gồm kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian, làm việc nhóm, tư duy logic, v.v. Sinh viên cần học hỏi và rèn luyện các kỹ năng mềm để trở thành một nhân viên có giá trị cho công ty.

- Tìm kiếm cơ hội học tập ở nước ngoài: Nếu có điều kiện, sinh viên nên tìm kiếm các cơ hội học tập ở nước ngoài để trau dồi kỹ năng và trải nghiệm văn hóa mới. Việc học tập ở nước ngoài cũng giúp sinh viên có cơ hội giao lưu và học hỏi từ các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Tìm kiếm và tham gia vào các câu lạc bộ, tổ chức: Tham gia vào các câu lạc bộ, tổ chức trong trường hoặc trong cộng đồng lập trình viên sẽ giúp sinh viên có cơ hội giao lưu và học hỏi từ những người có kinh nghiệm. Đồng thời, sinh viên cũng có thể giúp đỡ và hỗ trợ những sinh viên khác trong cộng đồng.

- Đọc sách và tài liệu chuyên ngành: Đọc sách và tài liệu chuyên ngành sẽ giúp sinh viên có được kiến thức và hiểu biết sâu hơn về lĩnh vực công nghệ thông tin. Sinh viên nên tìm kiếm và đọc các sách và tài liệu chuyên ngành để bổ sung kiến thức và nâng cao chất lượng đào tạo của mình.

\* Ngoài sinh viên, giảng viên và trường đại học cũng cần có trách nhiệm nâng cao chất lượng đào tạo của ngành công nghệ thông tin của trường:

- Cập nhật chương trình giảng dạy: Trường đại học cần cập nhật chương trình giảng dạy để đảm bảo rằng sinh viên được học những kiến thức mới nhất và phù hợp với thực tiễn.

- Cải tiến phương pháp giảng dạy: Giảng viên cần sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại và phù hợp với đối tượng sinh viên, giúp họ hiểu bài học một cách dễ dàng và thực hành được các kiến thức đã học.

- Đầu tư cơ sở vật chất: Trường đại học cần đầu tư vào cơ sở vật chất để tạo điều kiện học tập tốt nhất cho sinh viên. Điều này bao gồm các phòng máy tính, thư viện, phòng học, v.v.

- Hỗ trợ sinh viên: Trường đại học cần cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho sinh viên, bao gồm tư vấn học tập, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, v.v.

- Cập nhật nội dung đào tạo: Các chương trình đào tạo cần được cập nhật liên tục để đáp ứng với các xu hướng công nghệ mới nhất và nhu cầu của người học. Nội dung đào tạo cần phải bao gồm kiến thức cơ bản và chuyên sâu để giúp sinh viên có thể tiếp cận các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Tăng cường giảng dạy thực hành: Để giúp sinh viên phát triển các kỹ năng thực tế, cần tăng cường các hoạt động thực hành, bao gồm các dự án thực tế, các bài tập lập trình, các thử nghiệm và các chương trình thực tập.

- Nâng cao chất lượng giảng viên: Giảng viên cần được đào tạo để nắm vững các kiến thức mới nhất trong lĩnh vực công nghệ thông tin và được trang bị kỹ năng giảng dạy hiệu quả. Ngoài ra, có thể đưa ra các chính sách khuyến khích giảng viên tiếp cận với các nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức: Các doanh nghiệp và tổ chức đóng vai trò quan trọng trong việc xác định các xu hướng công nghệ mới nhất và các nhu cầu về kỹ năng của người lao động. Việc hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức sẽ giúp các chương trình đào tạo có thể đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động.

- Đưa ra chương trình đánh giá chất lượng: Các chương trình đào tạo cần phải có các chương trình đánh giá chất lượng để đảm bảo rằng các chương trình đào tạo đang được cung cấp đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng và đáp ứng nhu cầu của người học.

- Thiết lập quan hệ đối tác: Trường đại học cần thiết lập quan hệ đối tác với các công ty và tổ chức trong ngành công nghệ thông tin để tạo cơ hội thực tập và việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

1. **Tài liệu tham khảo**

**https://dvn.com.vn/khoa-cong-nghe-truong-dai-hoc-giao-thong-van-tai-1645724209/**

**https://www.utc.edu.vn/gioi-thieu/chuyen-nganh-dao-tao**

**https://tapchigiaothong.vn/truong-dh-giao-thong-van-tainhan-luc-chat-luong-cao-cai-cot-trong-dao-tao-18383962.htm**

**https://vietnamnet.vn/diem-chuan-hoc-phi-cac-truong-dao-tao-nganh-cong-nghe-thong-tin-nam-2022-2013690.html**

**https://text.xemtailieu.net/tai-lieu/bai-tieu-luan-chat-luong-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam-hien-nay-thanh-tuu-han-che-va-nguyen-nhan-20064.html**

**https://www.utc.edu.vn/nhung-hoat-dong-hop-tac-va-nghien-cuu-phat-trien-noi-bat-cua-truong-dhgtvt-nam-2022**